



**TÀI LIỆU MINH HỌA SẢN PHẨM BẢO HIỂM**  
**QUẢNG GÁNH ÂU LO**

**CHÚC MỪNG, BẠN ĐÃ CÓ MỘT LỰA CHỌN SÁNG SUỐT!**

**Cảm ơn vì đã chọn MB Ageas Life là người đồng hành, bảo vệ cho cuộc sống của bạn.**

Chúng tôi xin trân trọng kính gửi Quý khách hàng Tài liệu minh họa sản phẩm bảo hiểm **Quảng Gánh Âu Lo**. Trong tài liệu này, chúng tôi trình bày thông tin về sản phẩm, quyền lợi bảo hiểm và phí bảo hiểm. Quý khách hàng có thể kiểm tra toàn bộ các thông tin dưới đây và liên hệ Chuyên viên tư vấn trong trường hợp có bất kỳ yêu cầu chỉnh sửa nào, hoặc muốn lập một Bảng minh họa hợp đồng khác.

**ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT**

- LINH HOẠT** thiết kế sản phẩm với quyền lợi và mức phí phù hợp
- CÁC KHOẢN** Thương duy trì hợp đồng hấp dẫn
- MIỄN PHÍ** rút tiền, Phí hủy bỏ Hợp đồng đối với Giá trị tài khoản đóng thêm
- GIA TẶNG** bảo vệ với danh mục quyền lợi & sản phẩm bổ trợ đa dạng

**THÔNG TIN TƯ VẤN VIÊN/ĐẠI LÝ**

Tên (Mã tư vấn viên)	FSOFT21 (2210001138)
Điện thoại	+8412345678912
Email	FSOFT21@gmail.com

**Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas**

Tầng 15, Tòa nhà 21 Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 4 222 9 6666; Fax: (+84) 4 626 9 8080

Số giấy phép: 74/GP/KDBH; Vốn điều lệ: 1500 tỷ đồng

Lĩnh vực kinh doanh: Bảo hiểm Nhân thọ, Bảo hiểm sức khỏe,

Đầu tư tài chính.

Website: mbageas.life

Ngày minh họa: **02/01/2023**

Số minh họa: **39520729\_143500**

## A. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số giấy tờ tùy thân	Tuổi bắt đầu bảo hiểm	Nhóm nghề
Bên mua bảo hiểm	Nguyễn Văn A	Nam	01/01/1993	123456789111	30	2
Người được bảo hiểm chính (của hợp đồng chính)	Nguyễn Văn A	Nam	01/01/1993	123456789111	30	2

## B. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Định kỳ đóng phí: Hàng Năm

Lựa chọn quyền lợi bảo hiểm: Quyền lợi Cơ bản

	Người được bảo hiểm	Thời hạn hợp đồng/Thời hạn bảo hiểm (năm) <sup>(1)</sup>	Thời hạn đóng phí (năm) <sup>(2)</sup>	Số tiền bảo hiểm (STBH)	Phí bảo hiểm định kỳ <sup>(3)</sup>
<b>Sản phẩm chính:</b> QUẢNG GÁNH ÂU LO	Nguyễn Văn A	20	5	500.000.000	25.000.000
<b><u>Quyền lợi bảo hiểm bổ trợ</u></b> <sup>(4)</sup>					
Bảo hiểm tử vong hoặc Thương tật toàn bộ vĩnh viễn do Tai nạn	Nguyễn Văn A	20	-	500.000.000	-
<b>Tổng Phí bảo hiểm định kỳ của Sản phẩm chính và Sản phẩm bổ trợ (nếu có)</b>					<b>25.000.000</b>

- (1) Thời hạn hợp đồng của sản phẩm chính là Thời hạn bảo hiểm.
- (2) Đối với sản phẩm chính, Thời hạn đóng phí được thể hiện trong tài liệu này là Thời hạn đóng phí dự kiến được khách hàng lựa chọn để thể hiện dòng tiền trong Bảng minh họa quyền lợi. Đối với sản phẩm bổ trợ, Thời hạn đóng phí không thay đổi trong toàn bộ Thời hạn hợp đồng/Thời hạn tham gia sản phẩm bổ trợ, Phí bảo hiểm của (các) Sản phẩm bổ trợ cần được nộp đầy đủ trong Thời hạn đóng phí/Thời hạn tham gia Sản phẩm bổ trợ.
- (3) Phí bảo hiểm định kỳ của sản phẩm chính không thay đổi trong toàn bộ thời hạn hợp đồng và phải được đóng đầy đủ trong 3 Năm hợp đồng đầu tiên. Phí bảo hiểm đóng thêm được thể hiện tại mục F.
- (4) Phí bảo hiểm rủi ro của (các) Quyền lợi bảo hiểm bổ trợ (nếu có) được khấu trừ hàng tháng từ Giá trị tài khoản của Sản phẩm chính.

Sample

### C. THÔNG TIN QUYỀN LỢI HỢP ĐỒNG

Đối với Người được bảo hiểm chính: Nguyễn Văn A

Sản phẩm	Quyền lợi	Số tiền bảo hiểm	Chú thích										
<b>Sản phẩm chính:</b> <b>QUẢNG GÁNH ÂU LO -</b> <b>Quyền lợi bảo hiểm cơ bản</b>	<b>Quyền lợi bảo hiểm Tử vong/TTTBVV (*)</b>	500.000.000	§ Trả giá trị lớn hơn giữa Giá trị tài khoản cơ bản và Số tiền bảo hiểm (STBH), cộng với Giá trị tài khoản đóng thêm.										
	<b>Quyền lợi đáo hạn</b>		§ Trả Giá trị tài khoản trừ đi các Khoản nợ (nếu có) vào Ngày đáo hạn Hợp đồng.										
	<b>Thưởng duy trì hợp đồng</b>		<p>Nếu Hợp đồng thỏa các điều kiện theo Quy tắc, Điều khoản của Sản phẩm chính thì Khách hàng sẽ được nhận (các) khoản thưởng, cộng trực tiếp vào Giá trị tài khoản đóng thêm:</p> <p>§ Quyền Thưởng duy trì Hợp đồng định kỳ: Chi trả vào các Ngày kỷ niệm năm Hợp đồng thứ 10 và mỗi 5 năm sau đó nhưng không vượt quá Ngày đáo hạn Hợp đồng, trả 10% Phí bảo hiểm cơ bản.</p> <p>§ Quyền Thưởng duy trì Hợp đồng đặc biệt: Chi trả tại Ngày đáo hạn Hợp đồng hoặc ngày xảy ra Sự kiện bảo hiểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với Ngày đến hạn trả Quyền lợi là Ngày đáo hạn Hợp đồng trả 30% Phí bảo hiểm cơ bản; hoặc</li> <li>- Đối với Ngày đến hạn trả Quyền lợi là Ngày xảy ra Sự kiện bảo hiểm: tùy theo thời điểm xảy ra Sự kiện bảo hiểm</li> </ul> <table border="1" style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <thead> <tr> <th>Năm Hợp đồng xảy ra Sự kiện bảo hiểm</th> <th>Từ 10 đến 14</th> <th>Từ 15 đến 19</th> <th>Từ 20 đến 24</th> <th>Từ 25 trở đi</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>% Phí bảo hiểm cơ bản</td> <td>10%</td> <td>20%</td> <td>30%</td> <td>40%</td> </tr> </tbody> </table>	Năm Hợp đồng xảy ra Sự kiện bảo hiểm	Từ 10 đến 14	Từ 15 đến 19	Từ 20 đến 24	Từ 25 trở đi	% Phí bảo hiểm cơ bản	10%	20%	30%	40%
	Năm Hợp đồng xảy ra Sự kiện bảo hiểm	Từ 10 đến 14	Từ 15 đến 19	Từ 20 đến 24	Từ 25 trở đi								
% Phí bảo hiểm cơ bản	10%	20%	30%	40%									
<b>Các quyền lợi khác</b>		<p>§ Thay đổi lựa chọn Quyền lợi Cơ bản/Nâng cao.</p> <p>§ Rút tiền từ Giá trị tài khoản.</p>											

			§ Thay đổi Số tiền bảo hiểm.
			§ Thay đổi Định kỳ đóng phí.

(\*) Trường hợp Người được bảo hiểm dưới 4 tuổi, Quyền lợi bảo hiểm sẽ được điều chỉnh theo quy định tại Quy tắc, Điều khoản sản phẩm.

Sample

## D. CÁC LOẠI CHI PHÍ

### 1. Phí ban đầu:

- Đối với Phí bảo hiểm định kỳ:

Phí ban đầu được xác định theo tỷ lệ % Phí bảo hiểm định kỳ tương ứng đóng cho mỗi Năm Hợp đồng như sau:

Năm Hợp đồng	1	2	3	Từ 4 trở đi
% Phí bảo hiểm định kỳ	70%	35%	15%	0%

- Đối với Phí bảo hiểm đóng thêm: Phí ban đầu được xác định bằng 1,5% Phí bảo hiểm đóng thêm mỗi năm trong 03 Năm Hợp đồng đầu tiên và bằng 0 kể từ Năm Hợp đồng thứ 04 trở đi.

**2. Phí quản lý hợp đồng:** Phí quản lý hợp đồng là 35.000 đồng/tháng, được miễn trong Năm Hợp đồng đầu tiên và có thể được điều chỉnh theo tỷ lệ lạm phát do Chính phủ công bố nhưng không quá mức tối đa được Bộ Tài chính chấp thuận.

**3. Phí quản lý Quỹ:** được khấu trừ trước khi MB Ageas Life công bố lãi suất tích lũy, Phí quản lý Quỹ tối đa là 2%/năm tính trên giá trị tài khoản đầu tư của Quỹ liên kết chung và có thể thay đổi sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận.

**4. Phí bảo hiểm rủi ro:** Phí bảo hiểm rủi ro được xác định theo Quyền lợi bảo hiểm rủi ro và tỷ lệ Phí bảo hiểm rủi ro, phù hợp với tuổi, giới tính, nghề nghiệp, tình trạng sức khỏe của Người được bảo hiểm và các quy định đánh giá rủi ro của MB Ageas Life. Tỷ lệ Phí bảo hiểm rủi ro có thể thay đổi sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận.

### 5. Phí hủy bỏ Hợp đồng:

- Đối với Giá trị tài khoản đóng thêm: Miễn Phí hủy bỏ Hợp đồng

- Đối với Giá trị tài khoản cơ bản: phụ thuộc vào thời điểm hủy bỏ Hợp đồng và là giá trị nhỏ hơn giữa Giá trị tài khoản cơ bản và giá trị thể hiện trong bảng dưới đây:

Năm Hợp đồng	1	2	3	4	5	Từ 6 trở đi
% Phí bảo hiểm cơ bản	100%	100%	80%	60%	30%	0%

**6. Phí rút tiền từ Giá trị tài khoản:** Giá trị tài khoản đóng thêm được miễn Phí rút tiền, Phí rút tiền từ Giá trị tài khoản cơ bản phụ thuộc vào số tiền rút, Giá trị tài khoản cơ bản tại thời điểm yêu cầu rút tiền và Phí hủy bỏ Hợp đồng. Phí rút tiền tối thiểu từ Giá trị tài khoản cơ bản là 100.000 đồng/lần rút và có thể thay đổi sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận.

## E. TÓM TẮT MINH HỌA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Đơn vị: nghìn đồng

Thông tin chung					Lãi suất minh họa 6%				Lãi suất cam kết (**)			
Năm hợp đồng	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Rút tiền	Giá trị tài khoản cơ bản	Giá trị tài khoản đóng thêm	Giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại	Giá trị tài khoản cơ bản	Giá trị tài khoản đóng thêm	Giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại
1	30	25.000	-	-	6.742	-	6.742	-	6.536	-	6.536	-
2	31	25.000	-	-	22.737	-	22.737	-	21.858	-	21.858	-
3	32	25.000	-	-	44.992	-	44.992	24.992	42.790	-	42.790	22.790
4	33	25.000	-	-	72.572	-	72.572	57.572	67.889	-	67.889	52.889
5	34	25.000	-	-	101.819	-	101.819	94.319	92.702	-	92.702	85.202
6	35	-	-	-	106.304	-	106.304	106.304	92.474	-	92.474	92.474
7	36	-	-	-	111.001	-	111.001	111.001	92.189	-	92.189	92.189
8	37	-	-	-	115.938	-	115.938	115.938	91.846	-	91.846	91.846
9	38	-	-	-	121.122	-	121.122	121.122	91.436	-	91.436	91.436
10	39	-	-	-	126.579	2.500	129.079	129.079	90.948	2.500	93.448	93.448
<b>15</b>	<b>44</b>	-	-	-	<b>158.003</b>	<b>5.846</b>	<b>163.849</b>	<b>163.849</b>	<b>84.665</b>	<b>5.128</b>	<b>89.792</b>	<b>89.792</b>
<b>20</b>	<b>49</b>	-	-	-	<b>197.952</b>	<b>17.825</b>	<b>215.777</b>	<b>215.777</b>	<b>74.797</b>	<b>15.389</b>	<b>90.186</b>	<b>90.186</b>

(\*\*) Mức lãi suất cam kết cho Giá trị tài khoản cơ bản và Giá trị tài khoản đóng thêm chi tiết được nêu tại mục J của Bảng minh họa này.

## F. MINH HOẠ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM

Đơn vị: nghìn đồng

Năm hợp đồng	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí bảo hiểm hàng năm	Phí ban đầu	Phí bảo hiểm phân bổ	
						Tài khoản cơ bản (1)	Tài khoản đóng thêm (2)
1	30	25.000	-	25.000	17.500	7.500	-
2	31	25.000	-	25.000	8.750	16.250	-
3	32	25.000	-	25.000	3.750	21.250	-
4	33	25.000	-	25.000	-	25.000	-
5	34	25.000	-	25.000	-	25.000	-

Sample



**G. QUYỀN LỢI VÀ GIÁ TRỊ TÀI KHOẢN HỢP ĐỒNG VỚI LÃI SUẤT MINH HỌA 6%**

Đơn vị: nghìn đồng

Năm hợp đồng	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm phân bổ (3) = (1) + (2)	Phí quản lý Hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro		Rút tiền	Quyền lợi Tử vong/ TTTBVV	Giá trị tài khoản cơ bản	Giá trị tài khoản đóng thêm	Giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại
				Phí bảo hiểm rủi ro Sản phẩm bảo hiểm chính	Phí bảo hiểm rủi ro QL bảo hiểm bổ trợ						
1	30	7.500	-	1.170	-	-	500.000	6.742	-	6.742	-
2	31	16.250	420	1.167	-	-	500.000	22.737	-	22.737	-
3	32	21.250	420	1.163	-	-	500.000	44.992	-	44.992	24.992
4	33	25.000	420	1.149	-	-	500.000	72.572	-	72.572	57.572
5	34	25.000	420	1.137	-	-	500.000	101.819	-	101.819	94.319
6	35	-	420	1.169	-	-	500.000	106.304	-	106.304	106.304
7	36	-	420	1.208	-	-	500.000	111.001	-	111.001	111.001
8	37	-	420	1.250	-	-	500.000	115.938	-	115.938	115.938
9	38	-	420	1.297	-	-	500.000	121.122	-	121.122	121.122
10	39	-	420	1.353	-	-	505.000	126.579	2.500	129.079	129.079
11	40	-	420	1.415	-	-	505.150	132.279	2.650	134.929	134.929
12	41	-	420	1.480	-	-	505.309	138.254	2.809	141.063	141.063
13	42	-	420	1.546	-	-	505.478	144.520	2.978	147.498	147.498
14	43	-	420	1.615	-	-	505.657	151.115	3.157	154.271	154.271
15	44	-	420	1.690	-	-	510.846	158.003	5.846	163.849	163.849
16	45	-	420	1.760	-	-	511.197	165.232	6.197	171.429	171.429

Đơn vị: nghìn đồng

Năm hợp đồng	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm phân bổ (3) = (1) + (2)	Phí quản lý Hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro		Rút tiền	Quyền lợi Tử vong/ TTTBVV	Giá trị tài khoản cơ bản	Giá trị tài khoản đóng thêm	Giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại
				Phí bảo hiểm rủi ro Sản phẩm bảo hiểm chính	Phí bảo hiểm rủi ro QL bảo hiểm bổ trợ						
17	46	-	420	1.839	-	-	511.569	172.814	6.569	179.383	179.383
18	47	-	420	1.910	-	-	511.964	180.806	6.964	187.770	187.770
19	48	-	420	1.988	-	-	512.382	189.169	7.382	196.551	196.551
20	49	-	420	2.067	-	-	517.825	197.952	17.825	215.777	215.777

Sample

## H. QUYỀN LỢI VÀ GIÁ TRỊ TÀI KHOẢN HỢP ĐỒNG VỚI LÃI SUẤT CAM KẾT TỐI THIỂU

Đơn vị: nghìn đồng

Năm hợp đồng	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm phân bổ (3) = (1) + (2)	Phí quản lý Hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro		Rút tiền	Quyền lợi Tử vong/ TTTBVV	Giá trị tài khoản cơ bản	Giá trị tài khoản đóng thêm	Giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại
				Phí bảo hiểm rủi ro Sản phẩm bảo hiểm chính	Phí bảo hiểm rủi ro QL bảo hiểm bổ trợ						
1	30	7.500	-	1.170	-	-	500.000	6.536	-	6.536	-
2	31	16.250	420	1.168	-	-	500.000	21.858	-	21.858	-
3	32	21.250	420	1.166	-	-	500.000	42.790	-	42.790	22.790
4	33	25.000	420	1.154	-	-	500.000	67.889	-	67.889	52.889
5	34	25.000	420	1.148	-	-	500.000	92.702	-	92.702	85.202
6	35	-	420	1.189	-	-	500.000	92.474	-	92.474	92.474
7	36	-	420	1.238	-	-	500.000	92.189	-	92.189	92.189
8	37	-	420	1.292	-	-	500.000	91.846	-	91.846	91.846
9	38	-	420	1.354	-	-	500.000	91.436	-	91.436	91.436
10	39	-	420	1.428	-	-	505.000	90.948	2.500	93.448	93.448
11	40	-	420	1.512	-	-	505.025	89.915	2.525	92.440	92.440
12	41	-	420	1.605	-	-	505.050	88.778	2.550	91.328	91.328
13	42	-	420	1.703	-	-	505.076	87.531	2.576	90.107	90.107
14	43	-	420	1.810	-	-	505.102	86.166	2.602	88.768	88.768
15	44	-	420	1.931	-	-	510.128	84.665	5.128	89.792	89.792
16	45	-	420	2.053	-	-	510.179	83.025	5.179	88.204	88.204

Đơn vị: nghìn đồng

Năm hợp đồng	Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm phân bổ (3) = (1) + (2)	Phí quản lý Hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro		Rút tiền	Quyền lợi Tử vong/ TTTBVV	Giá trị tài khoản cơ bản	Giá trị tài khoản đóng thêm	Giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại
				Phí bảo hiểm rủi ro Sản phẩm bảo hiểm chính	Phí bảo hiểm rủi ro QL bảo hiểm bổ trợ						
17	46	-	420	2.193	-	-	510.231	81.228	5.231	86.459	86.459
18	47	-	420	2.335	-	-	510.283	79.273	5.283	84.556	84.556
19	48	-	420	2.496	-	-	510.336	77.134	5.336	82.470	82.470
20	49	-	420	2.672	-	-	515.389	74.797	15.389	90.186	90.186

Sample

## I. CHÚ Ý

- Nhằm đảm bảo các quyền lợi của Hợp đồng bảo hiểm như trong Bảng minh họa, Phí bảo hiểm cơ bản cần phải được đóng đầy đủ và đúng hạn trong suốt Thời hạn đóng phí dự kiến được lựa chọn.
- Giá trị tài khoản cơ bản, Giá trị tài khoản đóng thêm, và các khoản Thưởng duy trì Hợp đồng định kỳ, Thưởng duy trì Hợp đồng đặc biệt được tính tại cuối Năm Hợp đồng. Giá trị tài khoản tại các phương án lãi suất đã bao gồm lịch rút tiền dự kiến (nếu có) và các khoản Thưởng duy trì Hợp đồng (nếu có).
- Các Quyền lợi bảo hiểm bổ trợ/Sản phẩm bổ trợ nhằm gia tăng các quyền lợi bảo vệ. Phí bảo hiểm rủi ro của Quyền lợi bảo hiểm bổ trợ được khấu trừ hàng tháng từ Giá trị tài khoản.
- Bên mua bảo hiểm có quyền yêu cầu tăng/giảm STBH kể từ Năm Hợp đồng thứ 2 nhưng Phí bảo hiểm sẽ giữ nguyên, không thay đổi trong suốt Thời hạn Hợp đồng bảo hiểm. Chi tiết xin quý khách vui lòng tham khảo Quy tắc, Điều khoản Sản phẩm chính.
- Quyền lợi Nâng cao sẽ được tự động chuyển thành Quyền lợi Cơ bản khi NĐBH đạt 66 tuổi.
- Tham gia Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ là một cam kết dài hạn, Quý khách không nên duy trì Hợp đồng trong một thời gian ngắn vì các khoản chi phí ban đầu rất cao.
- Khách hàng còn được nhận các khoản Thưởng duy trì Hợp đồng định kỳ và Thưởng duy trì Hợp đồng đặc biệt như trong bảng dưới đây nếu Hợp đồng thỏa mãn điều kiện nhận Thưởng theo Quy tắc, điều khoản sản phẩm. Giá trị tài khoản trong mục E, G, H đã bao gồm các khoản Thưởng duy trì Hợp đồng định kỳ và Thưởng duy trì Hợp đồng đặc biệt (nếu có).

Đơn vị: nghìn đồng

Năm hợp đồng	Tại mức lãi suất cam kết	Tại mức lãi suất minh họa 6%
10	2.500	2.500
15	2.500	2.500
20	10.000	10.000

## J. CÁC THÔNG TIN KHÁC

- Ù Tài liệu minh họa Hợp đồng bảo hiểm này nhằm giúp Quý khách hiểu rõ hơn về Quyền lợi bảo hiểm và Phí bảo hiểm. Để biết thêm chi tiết, Quý khách vui lòng đề nghị Chuyên viên tư vấn tư vấn thêm và/hoặc tham khảo Quy tắc, Điều khoản sản phẩm bảo hiểm đã được Bộ Tài chính phê chuẩn.
- Ù Các số liệu trong tài liệu minh họa này được xác định tại thời điểm minh họa và dựa trên giả định rằng, trong Thời hạn Hợp đồng Quý khách hàng thực hiện đầy đủ và đúng hạn các quy định về đóng phí và không có yêu cầu nào của Quý khách làm thay đổi những số liệu trên.
- Ù Tùy theo kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung, lãi suất tích lũy vào Giá trị tài khoản của khách hàng có thể tăng hoặc giảm nhưng không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu. Lãi suất cam kết tối thiểu của công ty được quy định theo bảng dưới đây:

Năm Hợp đồng	1	2	3	4	Từ 5 đến 10	Từ 11 đến 20	Từ 21 trở đi
Lãi suất cam kết tối thiểu	3%	3%	3%	2,5%	1,5%	1%	0,5%

- Ù Phí bảo hiểm rủi ro của Sản phẩm chính, Phí bảo hiểm rủi ro của Quyền lợi bảo hiểm bổ trợ (nếu có) và Phí bảo hiểm của (các) Sản phẩm bổ trợ được minh họa trên đây có thể thay đổi sau khi được Bộ Tài chính phê chuẩn.
- Ù Phí bảo hiểm, Phí bảo hiểm rủi ro được trình bày trên đây là mức phí cho người có điều kiện bảo hiểm tiêu chuẩn theo quy định của MB Ageas Life. Phí bảo hiểm, Phí bảo hiểm rủi ro áp dụng cho Quý khách có thể khác với minh họa ở trên, phụ thuộc vào tình trạng sức khỏe, nghề nghiệp và địa bàn sinh sống của Người được bảo hiểm.

### XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

Tôi, Bên mua bảo hiểm ký tên dưới đây, xác nhận đã được Chuyên viên tư vấn của MB Ageas Life có tên và mã số như trong tài liệu này giải thích và tư vấn rõ ràng, đầy đủ về Tài liệu minh họa cũng như Quy tắc, Điều khoản sản phẩm bảo hiểm QUẢNG GÁNH ÂU LO. Tôi cũng xác nhận đã đọc và hiểu toàn bộ nội dung của Tài liệu minh họa này, kể cả các lưu ý, các đặc điểm, quyền lợi và trách nhiệm của Tôi khi tham gia bảo hiểm.

### XÁC NHẬN CỦA CHUYÊN VIÊN TƯ VẤN BẢO HIỂM

Tôi, Chuyên viên tư vấn ký tên dưới đây, cam kết đã giải thích và tư vấn rõ ràng, đầy đủ cho Bên mua bảo hiểm về nội dung Tài liệu minh họa cũng như Quy tắc, Điều khoản sản phẩm bảo hiểm QUẢNG GÁNH ÂU LO.

Chữ ký:

Chữ ký:

Họ và tên: Nguyễn Văn A

Họ và tên: FSOFT21

Ngày/tháng/năm: \_\_\_\_\_

Ngày/tháng/năm: \_\_\_\_\_

Sample